

Bản án số: 824/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-12-2022
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hữu Quang
2. Bà Võ Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hà Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 398/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 398/2022/TB-TA ngày 21 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 303/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Hồng B, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 490/21 đường L, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Số 133/1A đường N, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Hồng H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 160/45/6A đường N, tổ 3, khu phố 1, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Số 1250/39/27A đường H, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông Nguyễn Hữu Hồng B và bà Võ Thị Hồng H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2022 nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Hồng B trình bày: Ông và bà Võ Thị Hồng H quen biết nhau từ năm 2009, qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn và cả hai đã ly hôn (theo Quyết định giải quyết yêu cầu thuận tình ly hôn số 648/2015/QĐST-HNGĐ-VDS-TL ngày 03/6/2016 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh). Đến tháng 8/2017 thì ông và bà Võ Thị Hồng H trở về tiếp tục chung sống với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống lần 2 hạnh phúc được 02 năm thì đến tháng 12/2019 phát sinh mâu thuẫn do cả hai thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, ông đã nhiều lần khuyên bảo để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không kết quả và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nên cả hai sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn được vì cả hai không còn tình nghĩa vợ chồng. Nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, nên ông yêu cầu được ly hôn bà Võ Thị Hồng H.

- Về con chung: Ông Nguyễn Hữu Hồng B xác định ông và bà H có 01 con chung tên Nguyễn Hữu Trường A, sinh ngày 08/02/2019. Hai bên thỏa thuận ly hôn bà Võ Thị Hồng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ A cho đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng cho con do hai bên tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc thăm nom, chăm sóc con: Ông yêu cầu bà H tạo điều kiện cho ông được dẫn con về nhà ông 04 lần/tháng vào ngày thứ bảy hoặc chủ nhật hàng tuần từ 08 giờ sáng đến 17 giờ tối, để thuận tiện việc trông nom, chăm sóc và giáo dục.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Hữu Hồng B xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc ly hôn của vợ chồng không nhằm trốn tránh bất kỳ nghĩa vụ nào.

Bị đơn bà Võ Thị Hồng H trình bày:

Bà thống nhất với phần trình bày của ông Nguyễn Hữu Hồng B, về quan hệ hôn nhân thì bà và ông B quen biết nhau từ năm 2009, qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn và cả hai đã ly hôn (theo Quyết định giải quyết yêu cầu thuận tình ly hôn số 648/2015/QĐST-HNGĐ-VDS-TL ngày 03/6/2016 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh). Đến tháng 8/2017 thì bà và ông B trở về tiếp tục chung sống với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hạnh phúc được 02 năm thì đến tháng 12/2019 phát sinh mâu thuẫn do cả hai thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, bà đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không

kết quả và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nên cả hai sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay và không còn quan tâm chăm sóc nhau.

Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, không thể hàn gắn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, nên bà đồng ý ly hôn ông Nguyễn Hữu Hồng B.

- Về con chung: Bà chung sống với ông B có 01 con chung tên Nguyễn Hữu Trường A, sinh ngày 08/02/2019. Hai bên thỏa thuận ly hôn bà trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ A cho đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng cho con do hai bên tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về việc trông nom, chăm sóc con: Bà chỉ đồng cho ông B được dẫn trẻ A về nhà ông B 02 lần/tháng vào ngày chủ nhật hàng tuần từ 16 giờ chiều đến 19 giờ tối, nếu trẻ A sức khỏe tốt thì bà đồng ý cho ông B gặp trẻ A nhiều hơn, nhưng đều phải có bà đi cùng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc ly hôn của vợ chồng không nhằm trốn tránh bất kỳ nghĩa vụ nào.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Hồng B trình bày: Về hôn nhân, hiện mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên ông vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn bà Võ Thị Hồng H. Về con chung thì ông và bà H đã thỏa thuận ly hôn bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Nguyễn Hữu Trường A cho đến khi thành niên; việc cấp dưỡng cho con do ông và bà H tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về việc trông nom chăm sóc con thì ông yêu cầu bà H phải tạo điều kiện cho ông thăm con trong thời gian phù hợp, vào ngày thứ bảy hoặc chủ nhật hàng tuần. Về tài sản chung, nợ chung không có, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Võ Thị Hồng H trình bày: Hiện tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, nên đồng ý ly hôn ông Nguyễn Hữu Hồng B. Về con chung thì bà và ông B đã thỏa thuận ly hôn bà trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Nguyễn Hữu Trường A cho đến khi thành niên; việc cấp dưỡng cho con do bà và ông B tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về việc trông nom chăm sóc con thì do trẻ A bị bệnh bẩm sinh, ông B không theo dõi được tình trạng sức khỏe và chế độ ăn uống của trẻ A, nên bà chỉ tạo điều kiện cho ông B thăm con nhưng phải trong thời gian hợp lý, tùy thuộc vào tình trạng sức khỏe của trẻ A và phải có bà đi cùng. Về tài sản chung, nợ chung không có, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Ông B phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Hữu Hồng B và bà Võ Thị Hồng H tự nguyện chung sống với nhau năm 2017, nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống có một con chung, nay vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nên ông B xin ly hôn bà H. Bà H đang cư trú tại Quận 7, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Hồng B, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Theo Giấy khai sinh tên Nguyễn Hữu Trường A, sinh ngày 08/02/2019 (số 30 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/3/2019) thể hiện tên cha Nguyễn Hữu Hồng B, tên mẹ Võ Thị Hồng H. Theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 440/UBND-XNTTHN ngày 04/7/2022 của Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận tình trạng hôn nhân của ông Nguyễn Hữu Hồng B: Đã kết hôn nhưng đã ly hôn theo Quyết định ly hôn số 648/2015/QĐST-HNGĐ-VDS-TL ngày 03/6/2016 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai. Theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 734/UBND-XNTTHN ngày 15/9/2022 của Ủy ban nhân dân phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Võ Thị Hồng H: Đã kết hôn nhưng đã ly hôn theo Quyết định ly hôn số 648/2015/ QĐST-HNGĐ-VDS-TL ngày 03/6/2016 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai.

Như vậy, có cơ sở xác định ông Nguyễn Hữu Hồng B và bà Võ Thị Hồng H sau khi ly hôn thì trở về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017, hai bên có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn lại theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng không đăng ký kết hôn. Đồng thời có cơ sở xác định hôn nhân của ông Nguyễn Hữu Hồng B và bà Võ Thị Hồng H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Hữu Hồng B là có căn cứ, được chấp nhận. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”. Do đó, về yêu cầu xin ly hôn của ông B và sự đồng ý ly hôn của bà H không được Tòa án công nhận thuận tình ly hôn mà tiến hành xét xử, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Nguyễn Hữu Hồng B và bà Võ Thị Hồng H.

[2.2] Về nuôi con chung: Tại Biên bản hòa giải về con chung và tài sản chung ngày 04/8/2022 cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn Hữu Hồng B và bà Võ Thị Hồng H xác định có một con chung tên Nguyễn Hữu Trường A, sinh ngày 08/02/2019. Hai bên thỏa thuận ly hôn bà Võ Thị Hồng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ A cho đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng cho con do hai bên tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy nội dung thỏa thuận nêu trên là phù hợp không trái quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

[2.3] Đối với yêu cầu về việc trông nom, chăm sóc, giáo dục trẻ Nguyễn Hữu Trường A: Theo ông Nguyễn Hữu Hồng B yêu cầu bà H tạo điều kiện cho ông B được dẫn trẻ A về nhà ông B 04 lần /tháng vào ngày thứ bảy hoặc chủ nhật hàng tuần từ 08 giờ sáng đến 17 giờ chiều, để thuận tiện việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục. Phía bà Võ Thị Hồng H chỉ đồng ý cho ông B được dẫn trẻ A về nhà ông B 02 lần /tháng vào ngày chủ nhật hàng tuần từ 16 giờ chiều đến 19 giờ tối, nếu trẻ A sức khỏe tốt thì bà H đồng ý cho ông B gặp trẻ A nhiều hơn trong trường hợp có bà H đi cùng, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”*.

Tại khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: *“Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”*. Do đó, việc ông B yêu cầu bà H tạo điều kiện cho ông B trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục trẻ A là có cơ sở được chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Hữu Hồng B và bà Võ Thị Hồng H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Hữu Hồng B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 54, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Hồng B.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Hữu Hồng B và bà Võ Thị Hồng H.

- Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Hữu Hồng B và bà Võ Thị Hồng H về việc bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Hữu Trường A, sinh ngày 08/02/2019 cho đến khi thành niên. Ghi nhận việc cấp dưỡng cho con do ông B và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Hữu Hồng B có quyền đi lại trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông B lạm dụng việc đi lại trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền trông nom con chung chưa thành niên của ông B. Vì quyền, lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Hữu Hồng B và bà Võ Thị Hồng H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu Hồng B chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo Biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0014438 ngày 08/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Hữu Hồng B đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Hữu Hồng B và bà Võ Thị Hồng H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (TK Hà Trang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA